

**Các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận lao động kỹ năng đặc định
ngành vận tải ô tô của Nhật Bản**

1. Mô tả công việc của người lao động:

a. Công việc chính:

- Lái xe tải:
- + Công việc vận hành, vận chuyển hàng hóa an toàn;
- + Công việc xếp dỡ, xếp hàng đúng cách.
- Lái xe taxi, xe buýt:
- + Công việc vận hành, vận chuyển hành khách an toàn;
- + Công việc tiếp khách – hỗ trợ hành khách.

b) Công việc liên quan:

Người lao động có thể thực hiện các công việc mà người Nhật cùng vị trí cũng làm như:

- Vệ sinh xe
- Chuẩn bị và thu dọn trước/sau chuyển xe

2. Yêu cầu đối với lao động đặc định số 1 (Hiện chưa tiếp nhận lao động theo tư cách Kỹ năng đặc định số 2 trong ngành vận tải ô tô)

- Đối với lái xe tải:

- + Đủ kỳ thi kỹ năng đặc định dành cho lái xe tải (trước khi nhập cảnh),
- + Đủ kỳ thi tiếng Nhật: Kỳ thi JLPT (N4 trở lên) hoặc kỳ thi JFT-Basic (trước khi nhập cảnh). Người đã hoàn thành tốt Thực tập sinh kỹ năng số 2 sẽ được miễn thi;
- + Có Giấy phép lái xe thông thường hạng 1 của Nhật Bản;

- Đối với lái xe taxi và xe buýt:

- + Kỳ thi kỹ năng đặc định dành cho lái xe taxi hoặc xe buýt (trước khi nhập cảnh);
- + Kỳ thi tiếng Nhật JLPT N3 trở lên (trước khi nhập cảnh);
- + Lái xe taxi có Giấy phép lái xe thông thường hạng 2, lái xe buýt có Giấy phép lái xe cỡ lớn hạng 2 của Nhật Bản (sau khi nhập cảnh);
- + Hoàn thành khóa “Đào tạo lái xe mới” tại Nhật Bản (sau khi nhập cảnh).

3. Điều kiện dự thi giấy phép lái xe Nhật Bản:

Chủng loại		Điều kiện dự thi
Giấy phép lái xe hạng 1	Giấy phép lái xe cỡ lớn	<ul style="list-style-type: none"> Những người thi giấy phép lái một trong số: xe cỡ trung bình, cỡ cận trung, cỡ thường hoặc xe chuyên dụng cỡ lớn. Cần trên 3 năm kinh nghiệm lái một trong các chủng loại xe nói trên ※ Từ 21 tuổi trở lên ※
	Giấy phép lái xe cỡ trung	<ul style="list-style-type: none"> Những người thi giấy phép lái một trong số: cỡ cận trung, cỡ thường hoặc xe chuyên dụng cỡ lớn. Cần trên 2 năm kinh nghiệm lái một trong các chủng loại xe nói trên ※ Từ 20 tuổi trở lên ※
	Giấy phép lái xe cỡ cận trung	18 tuổi trở lên
	Giấy phép lái xe thông thường	
	Giấy phép xe chuyên dụng cỡ lớn	
	Giấy phép lái xe mô tô cỡ lớn	
	Giấy phép lái xe mô tô thông thường	16 tuổi trở lên
	Giấy phép xe chuyên dụng cỡ nhỏ	
	Giấy phép lái xe máy điện, xe dưới 50 cc	
Giấy phép lái xe kéo	<ul style="list-style-type: none"> Những người thi giấy phép lái xe một trong số: cỡ lớn, cỡ trung, cỡ cận trung, cỡ thường, xe chuyên dụng cỡ lớn hoặc giấy phép lái xe hạng 2. Từ 18 tuổi trở lên 	
Giấy phép lái xe hạng 2	Ngoài Giấy phép lái xe kéo hạng 2	<ul style="list-style-type: none"> Có kinh nghiệm lái xe một trong số: cỡ lớn, cỡ trung, cỡ cận trung, cỡ thường, xe chuyên dụng cỡ lớn từ 3 năm trở lên ※ Từ 21 tuổi trở lên ※
	Giấy phép lái xe kéo hạng 2	<ul style="list-style-type: none"> Có kinh nghiệm lái xe kéo một trong số: cỡ lớn, cỡ trung, cỡ cận trung, cỡ thường, xe chuyên dụng cỡ lớn từ 3 năm trở lên ※ Từ 21 tuổi trở lên ※
	Giấy phép lái xe hạng 2	Những người muốn thi giấy phép lái xe hạng 2 khác với giấy phép họ đang có

Những người đang có giấy phép lái xe thông thường của Nhật Bản nếu đã tham gia khóa đào tạo đặc biệt (31 giờ thực hành và 5 giờ lý thuyết) thì điều kiện để dự thi giấy phép lái xe tại các chỗ có dấu ※ là: 19 tuổi trở lên và có ít nhất một năm kinh nghiệm lái xe thông thường.

4. Tư cách lưu trú của người lao động sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản:

- Sau khi thi đỗ kỳ thi tiếng Nhật và kỳ thi kỹ năng đặc định ngành vận tải ô tô, người lao động nhập cảnh vào Nhật Bản với tư cách lưu trú “hoạt động đặc định” và thi chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe Nhật Bản. Riêng đối với lái xe taxi và xe buýt, ngoài việc đỗ kỳ thi chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe Nhật Bản, người lao động phải hoàn thành khóa “Đào tạo lái xe mới” để đáp ứng điều kiện tiếp nhận.

- Trong thời gian tối đa 6 tháng đối với lái xe tải và 01 năm đối với lái xe buýt và lái xe taxi, người lao động nếu không thi đỗ kỳ thi chuyển đổi giấy phép lái xe tương ứng sẽ không được gia hạn lưu trú nên bắt buộc phải về nước.

- Thời gian lưu trú với tư cách “hoạt động đặc định” không được tính vào tổng thời gian lưu trú với tư cách "kỹ năng đặc định số 1" .

- Trong thời gian lưu trú với tư cách “hoạt động đặc định”, người lao động được phép tham gia vào các công việc liên quan như dọn dẹp xe tại tổ chức tiếp nhận.

5. Mức lương của người lao động theo tư cách lưu trú "Hoạt động đặc định", chi phí thi chuyển đổi Giấy phép lái xe, chi phí thi giấy phép lái xe buýt và lái xe taxi, chi phí khóa đào tạo lái xe mới tại Nhật Bản:

- Mức lương của người lao động theo tư cách lưu trú “Hoạt động đặc định”: Cần phải bằng hoặc cao hơn mức lương của công dân Nhật Bản làm công việc tương tự.

- Chi phí thi chuyển đổi giấy phép lái xe, chi phí thi giấy phép lái xe buýt và lái xe taxi tại Nhật Bản: Khuyến khích tổ chức tiếp nhận chịu chi phí này. Trường hợp người lao động chịu chi phí thì cần trao đổi và nhận được sự đồng ý (bằng văn bản) của người lao động trước khi đi làm việc tại Nhật Bản. Số tiền chi trả phải phù hợp, tương đương với chi phí thực tế và phải được trình bày dưới dạng bảng kê chi tiết các khoản chi phí.

+ Chi phí thi chuyển đổi giấy phép lái xe: Khoảng 15.000 Yên.

+ Chi phí thi giấy phép lái xe buýt và lái xe taxi: Tùy từng địa phương và chương trình đào tạo mà mức chi phí có thể khác nhau, nhưng thông thường chi phí thi giấy phép lái xe taxi từ 250.000 Yên đến 400.000 Yên, chi phí thi giấy phép lái xe buýt khoảng 400.000 Yên.

- Chi phí khóa đào tạo lái xe mới tại Nhật Bản (chỉ dành cho lái xe taxi và xe buýt): Tổ chức tiếp nhận chi trả toàn bộ chi phí này.

6. Các nội dung bị cấm (đối với tổ chức tiếp nhận):

- Nghiêm cấm thu tiền bảo lãnh, quản lý tài sản, ký kết hợp đồng quy định tiền phạt hoặc hợp đồng nhằm chuyển giao tài sản của người lao động một cách không chính đáng;

- Việc ký kết hợp đồng có nội dung quy định rằng tổ chức tiếp nhận có thể yêu cầu người lao động hoàn trả chi phí thi giấy phép lái xe nếu người lao động không làm việc trong một khoảng thời gian nhất định (nghĩa là ràng buộc người lao động phải làm việc cho tổ chức tiếp nhận trong một thời hạn nhất định) có thể vi phạm luật pháp Nhật Bản. Lưu ý, trường hợp tổ chức tiếp nhận chịu chi phí thi giấy phép lái xe của người lao động và tính gộp chi phí đó vào tiền lương chi trả cho người lao động được luật pháp Nhật Bản cho phép.

7. Một số thông tin khác:

a) Về kỳ thi chuyển đổi giấy phép lái xe tại Nhật Bản:

- Kỳ thi chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe của Nhật Bản bao gồm kiểm tra lịch sử lái xe, kiến thức và kỹ năng, cũng như kiểm tra thị lực... Bài kiểm tra kiến thức bao gồm 50 câu hỏi viết, nếu trả lời đúng 45 câu trở lên là thi đỗ. Bài kiểm tra kỹ năng bao gồm việc thực hành lái xe tại trung tâm sát hạch có tổng số 100 điểm, nếu đạt 70 điểm trở lên là thi đỗ.

- Trường hợp thi đỗ, người lao động được cấp giấy phép lái xe ngay trong ngày thi đỗ chuyển đổi.

- Trường hợp không đỗ kỳ thi chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài (sang giấy phép lái xe của Nhật Bản), trong thời gian lưu trú tối đa 6 tháng đối với lái xe tải và 01 năm đối với lái xe buýt và lái xe taxi, người lao động có thể thi lại. Thí sinh cần chi trả phí dự thi mỗi lần thi lại (Chi phí thi lại giống như chi phí thi lần đầu).

Lưu ý: Số lần thi lại không bị giới hạn nhưng có giới hạn về số lượng thí sinh dự thi trong một ngày. Thí sinh chỉ được thi giấy phép lái xe ở các trung tâm sát hạch tại địa phương đăng ký cư trú.

b) Về việc đánh giá sau khóa đào tạo lái xe mới (chỉ dành cho lái xe taxi và xe buýt):

Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, học viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của ngành vận tải xe buýt và taxi. Cách thức thực hiện các đánh giá tùy thuộc vào quyết định của mỗi đơn vị tổ chức. Vui lòng tham khảo các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả cho xe buýt và taxi từ các link sau đây.

Xe buýt: <https://www.bus.or.jp/news/association/17145/>

Taxi: <https://taxi-japan.or.jp/manual/>

c) Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật Nhật Bản và Việt Nam về chương trình lao động kỹ năng đặc định.
